

# ĐÁNH GIÁ ĐỐI SÁCH NGĂN CHẶN SUY GIẢM KINH TẾ CỦA VIỆT NAM VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN NĂM 2010

TS LÊ HẢI MƠ\*

Năm 2009 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam. Nhưng bằng nỗ lực phi thường, Việt Nam là một trong những nước sớm nhất ra khỏi suy thoái (quý I-2009), phục hồi vững chắc và đạt thành tựu khá toàn diện là tăng trưởng cao 5,32% gắn liền với ổn định kinh tế vĩ mô, giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội

Việc nhìn nhận một cách khách quan đối sách ứng phó của chúng ta bao gồm cả thành công lẫn hạn chế là rất cần thiết trong thời điểm hiện nay.

## 1. Đánh giá đối sách ngăn chặn suy giảm kinh tế năm 2009.

*a. Sự lựa chọn đúng đắn đối sách, phản ứng nhanh, đồng bộ là tiền đề đem lại thành công của Việt Nam.*

Sự chuyển hướng chính sách đột xuất từ kiểm chế lạm phát sang nới lỏng chính sách tài chính - tiền tệ kích thích kinh tế nhằm ngăn chặn đà suy giảm tăng trưởng trước tác động dữ dội, nhiều mặt của khủng hoảng kinh tế thế giới đối với một nước đang chuyển đổi và bước đầu tham gia WTO như Việt Nam quả là thách thức lớn, hàm chứa nhiều nguy cơ và rủi ro. Cái thế nan giải của Việt Nam còn ở chỗ kinh tế vĩ mô vẫn hàm chứa nhiều yếu tố bất ổn, tiềm lực tài chính quốc gia rất eo hẹp, nguy cơ lạm phát trở lại chưa hết, bế tắc đầu ra của hệ thống ngân hàng do sản xuất suy giảm mạnh, VND yếu và bấp bênh, tình trạng USD hoá kéo dài... tình thế này đòi hỏi Việt Nam phải có sáng tạo trong lựa chọn đối sách hạn chế tác động của

khủng hoảng và ngăn chặn sự suy giảm kinh tế (không thể giảm mạnh lãi suất xuống 1-2%, hoặc 0% như G7, tăng quy mô chi tiêu khổng lồ như Trung Quốc...).

Gói kích cầu của Chính phủ bao gồm 7 khoản chi chính:

1. Hỗ trợ lãi suất vay vốn tín dụng (khoảng 17.000 tỉ đồng).

2. Tạm hoãn thu hồi vốn đầu tư xây dựng cơ bản ứng trước (khoảng 3.400 tỉ đồng), ứng trước ngân sách nhà nước để thực hiện một số dự án cấp bách (khoảng 37.200 tỉ đồng).

3. Chuyển nguồn vốn đầu tư kế hoạch năm 2008 sang năm 2009 (khoảng 30.200 tỉ đồng).

4. Phát hành thêm trái phiếu chính phủ (khoảng 20.000 tỉ đồng).

5. Thực hiện chính sách giảm thuế (khoảng 28.000 tỉ đồng).

6. Tăng thêm dự nợ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp (khoảng 17.000 tỉ đồng).

7. Các khoản chi kích cầu khác đảm bảo an sinh xã hội (7.200 tỉ đồng).

Dự kiến gói kích thích kinh tế tổng lực 8-9 tỉ USD với trên 50% là các giải pháp dài hạn nếu được triển khai nhanh, đúng trọng tâm, tăng tốc về tiến độ chắc chắn sẽ phát huy tác dụng lớn bởi chủ yếu đầu tư vào cơ sở hạ tầng, giao thông huyết mạch của nền kinh tế.

So với gói kích thích kinh tế của các

\* Phó Viện trưởng Viện Khoa học Tài chính.

nước thì điểm khác biệt cơ bản của Việt Nam thể hiện ở việc sử dụng khoảng 1 tỉ USD để hỗ trợ lãi suất vay vốn ngắn hạn với mức 4%/năm. Ưu thế cơ bản của giải pháp này là cho phép giải quyết đồng thời nhiều vấn đề bức xúc là trực tiếp giải tỏa hiện trạng ứ đọng vốn tại hệ thống ngân hàng, truyền tải nhanh đến nền kinh tế, hiệu ứng lan tỏa lớn, 1 tỉ USD dùng làm hỗ trợ lãi suất tạo ra dung lượng tín dụng tương đương 30 tỉ USD.

Đánh giá đúng quy mô, tính chất, phương thức tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và thực trạng kinh tế (kinh tế ở thời điểm hết sức khó khăn và dựa quá nhiều vào ngoại thương) đã tạo cơ sở để Chính phủ sớm đưa ra đổi sách ứng phó một cách có hiệu quả. Thực tiễn năm 2008 và 2009 thể hiện rõ bản lĩnh và năng lực vững vàng của Chính phủ trong ứng phó với các tình huống bất ổn và khó khăn đặc biệt nghiêm trọng.

Về gói kích thích của Việt Nam, các chuyên gia trong nước và ngoài nước đều nhận định: giải pháp sáng tạo, triển khai đúng hướng, nhanh và khá đồng bộ.

Căn cứ vào đổi sách của Chính phủ, ngay từ tháng 12-2008, chuyên gia kinh tế Mác-tin Ra-ma của Ngân hàng Thế giới (WB) đã khẳng định kinh tế Việt Nam sẽ hồi phục ngay trong năm 2009; báo cáo tháng 4-2009 của WB cho thấy, những rủi ro cũng như điểm yếu của năm 2008 đã được giảm nhẹ và dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2009 khoảng 5,5%, lạm phát 8%. WB cho rằng chính sách tài chính - tiền tệ được đưa ra đúng lúc đã giảm thiểu tác động của các cú sốc từ biến động về giá cả trên thế giới và nhu cầu xuất khẩu. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), chính sách vĩ mô được ban hành một cách nhanh chóng và mạnh mẽ của Chính phủ đã giúp nền kinh tế thoát khỏi suy thoái. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đánh giá cao việc nhanh chóng xây dựng và thực hiện hiệu quả các gói kích thích kinh tế của Việt Nam, không chỉ đạt

mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà còn mang đến cả hiệu quả về mặt an sinh xã hội; không chỉ tập trung vào các biện pháp ngắn hạn mà còn chú trọng việc phát triển cơ sở hạ tầng.

Theo WB, chương trình kích thích kinh tế của Chính phủ Việt Nam đã dùng hết gần 4 tỉ USD, tương đương 4,3% GDP; trong đó, gói hỗ trợ lãi suất ngắn hạn 4% đã đặc biệt thành công. Thành tựu năm 2009 của Việt Nam khá nổi bật và toàn diện.

*b. Việt Nam không chỉ sớm vượt qua giai đoạn khó khăn nhất mà còn tạo được nền tảng khá vững chắc cho thời kì phát triển mới.*

Tốc độ và nền tảng phục hồi kinh tế vững vàng, quý I tăng 3,14%, quý II tăng 4,46%, quý III tăng 6,04% và quý IV tăng 6,9%. Đây là chỉ số cơ bản nhất cho thấy kinh tế đang trên đà phục hồi mạnh mẽ, nhất là công nghiệp những tháng cuối năm đều tăng khoảng 12-13%.

Trong hai năm khó khăn song tỉ lệ đầu tư so với GDP vẫn đảm bảo ở mức cao 41,3% năm 2008 và 42,8% năm 2009; đặc biệt là nguồn lực lớn của Nhà nước đầu tư vào cơ sở hạ tầng sẽ tạo điều kiện cho nền kinh tế bước vào giai đoạn tăng tốc mới.

Sự ổn định kinh tế vĩ mô đã được tăng cường. Giá tiêu dùng năm 2009 tương đối ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2009 tăng 6,88%, là mức thấp nhất trong 6 năm trở lại đây (năm 2004 tăng 7,71%, năm 2005 tăng 8,29%, năm 2006 tăng 7,48%, năm 2007 tăng 8,3%, năm 2008 tăng 22,97%).

Sự mất cân đối tài khoản vãng lai, tài khoản thương mại đã được thu hẹp, xuất khẩu tăng mạnh vào cuối năm. Xuất khẩu năm 2009 giảm 9,7% so với 2008, không lớn như các nước. Nhập siêu giảm còn 11 tỉ USD, chiếm 16,5% kim ngạch xuất khẩu so với 28,8% năm 2008.

Năm 2009, trong khi nhiều ngân hàng tại các nước phát triển, nhất là Mỹ, lao đao

bị “sập tiệm” thì tại Việt Nam, hệ thống ngân hàng mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng đã đứng vững, vượt qua khủng hoảng và tiếp tục phát triển: hệ số an toàn được nâng lên; chưa có dấu hiệu tăng nợ xấu...

Nhìn chung, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều duy trì được sản xuất, tăng quy mô và tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2008 nhờ nhận được nguồn vốn tín dụng ngắn hạn hỗ trợ lãi suất. Hoàn toàn không xảy ra tình trạng hàng loạt doanh nghiệp phải đóng cửa hay phá sản như đã có lời cảnh báo hồi đầu năm 2009.

*c. Năng lực điều tiết của Chính phủ, hiệu suất phối hợp theo cả chiều dọc lẫn chiều ngang cũng như các giải pháp vĩ mô đã có bước phát triển mới.*

Nếu so với ngay năm 2008 thì không chỉ chất lượng hoạch định chính sách (giải pháp tổng thể, cụ thể bám sát tình hình, nhiệm vụ, mục tiêu đặt ra) mà cả tốc độ, cách thức triển khai chính sách, giải pháp đã có sự tiến bộ rõ nét. Có thể nói, chưa bao giờ chúng ta đạt được sự đồng thuận cao như năm 2009 về chính sách, giải pháp; sự phối hợp chủ động, quyết liệt, đồng bộ giữa trung ương và địa phương, giữa các bộ, ngành nhất là trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và thương mại.

Năm 2009 cũng là năm đáng ghi nhận sự thành công của Chính phủ trong việc động viên tài lực, bản lĩnh, trí tuệ Việt Nam và hướng toàn bộ hệ thống chính sách, giải pháp vào thực hiện có kết quả nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách là “ngăn chặn sự suy giảm kinh tế, thúc đẩy sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu, kích thích đầu tư và tiêu dùng, đảm bảo an sinh xã hội...”

Không chỉ Chính phủ đã sáng suốt và có bản lĩnh lựa chọn đối sách khi mà dư luận xã hội, ý kiến của các nhà khoa học còn có sự khác biệt thậm chí trái chiều (Quyết định dừng gói hỗ trợ ngắn hạn đúng hạn ngày 31-12-2009 hoặc đặt ưu tiên cho vấn đề ổn định kinh tế vĩ mô năm

2010) mà các bộ, ngành, nhất là Ngân hàng Nhà nước đã vững vàng, có bản lĩnh trước thông tin và dư luận xã hội về điều tiết lãi suất, tỉ giá hoặc xử lý nhanh, có hiệu quả các tin đồn trên thị trường tài chính - tiền tệ, nhất là các vụ việc gần đây.

*d. Một số hạn chế.*

*Thứ nhất*, tuy tăng trưởng năm 2009 đạt 5,32% (tương đương mức bình quân 5,3% của khu vực châu Á, trừ Nhật Bản) nhưng tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào phát triển theo chiều rộng, tăng khối lượng các nguồn lực và vốn đầu tư, chưa thực sự dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội và nâng cao hiệu quả. Tỉ lệ đầu tư so với GDP đã tăng từ 41,3% năm 2008 lên 42,8% năm 2009, nhưng tăng trưởng lại sụt giảm từ mức 6,18% xuống 5,32%.

*Thứ hai*, tiến độ triển khai các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách rất chậm, nên tác dụng của việc tăng chi ngân sách để kích cầu còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, tồn tại nhiều công trình, dự án dở dang, sự dàn trải trong đầu tư xây dựng cơ bản nên chưa tạo đòn bẩy để chuyển đổi và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tích cực. Cơ cấu kinh tế năm 2009 không khác nhiều so với những năm gần đây.

*Thứ ba*, cân đối vĩ mô chưa vững chắc, tiềm ẩn nguy cơ lạm phát cao. Cán cân thanh toán tổng thể vẫn bị thâm hụt, bội chi ngân sách lên tới 6,9% GDP và nợ Chính phủ lên mức 44,7% GDP cùng với chính sách tiền tệ nới lỏng (so với thời điểm ngày 31-12-2008, đến ngày 31-12-2009, tổng phương tiện thanh toán tăng 26,02%, tổng dư nợ tín dụng tăng 37,7%) đã tạo ra nguy cơ lạm phát cao và tác động xấu đến sự phát triển tài chính bền vững.

*Thứ tư*, hoạt động của thị trường chứng khoán chủ yếu mới ở thị trường thứ cấp; doanh nghiệp không có khả năng huy động vốn trực tiếp trên thị trường dẫn tới tình trạng rất nguy hiểm: vốn đầu tư trung hạn, dài hạn phải dựa chủ yếu vào hệ thống ngân hàng thương mại.

Thứ năm, việc hoạch định chính sách vẫn còn bất cập, chủ trương hỗ trợ lãi suất 4% vay vốn dài hạn trong nông nghiệp triển khai kém hiệu quả. Năng lực giám sát sự vận động của các dòng tiền, nhất là tín dụng chưa theo kịp tình hình, có biểu hiện bất cập; hoặc việc buông lỏng quản lý sàn giao dịch vàng.

Từ thực tiễn năm 2009, chúng ta có thể rút ra bài học về tinh thần *độc lập, tự chủ và sáng tạo đưa ra đối sách với khủng hoảng*. Đứng trước khó khăn, thách thức phải hết sức bình tĩnh, quan trọng là nhìn nhận đúng tình hình, khó khăn để đưa ra giải pháp thích hợp. Kinh nghiệm thế giới cho thấy không thể sao chép máy móc kinh nghiệm quốc tế (Đức có giải pháp sáng tạo về hỗ trợ ngành ô tô, Việt Nam có giải pháp về lãi suất, Trung Quốc sử dụng tốt lợi thế của nền tài chính mạnh để ra đòn nhanh và nặng tay).

## 2. Triển vọng phát triển của Việt Nam năm 2010 và những năm tiếp theo.

*a. Sự phục hồi kinh tế thế giới sẽ tạo nhiều thời cơ cho Việt Nam.*

Theo nhiều dự báo, trong năm 2010, cuộc khủng hoảng tài chính thế giới sẽ được kiểm soát nhờ chính phủ các nước đã can thiệp kịp thời bằng nhiều biện pháp tích cực. Theo IMF, kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng 3,1%.

Tại Mỹ, tăng trưởng dự kiến 2,5% với động lực cơ bản là tiêu dùng, tuy nhiên, động lực này tiếp tục yếu trong năm 2010 do nợ và thất nghiệp vẫn còn cao. Dự báo Ca-na-đa với tăng trưởng là 2,6-2,7% nhưng nếu chấm dứt các gói kích thích kinh tế quá sớm có thể làm chậm quá trình phục hồi. Châu Âu thoát khỏi suy thoái với mức tăng trưởng dự kiến 0,9%, tuy nhiên, vẫn cần cảnh giác với những diễn biến bất thường.

Triển vọng các nước Mỹ La-tinh sáng sủa hơn với mức tăng trưởng cao nhất là Bra-xin dự báo 5,5%, U-ru-goay: 5%, Pa-na-ma, Chi-lê và Bô-li-vi-a đều là 4,5%.

Châu Á vẫn là động lực đưa thế giới thoát ra khỏi khủng hoảng, dự báo tăng trưởng trung bình 6,3 - 7,1%; Trung Quốc có thể tăng trưởng 9,5% , Ấn Độ 7,1%; Hàn Quốc, Việt Nam, Lào: 5%, thấp nhất là Nhật Bản 1,5%.

Bước vào năm 2010, kinh tế thế giới vẫn đứng trước 4 nguy cơ lớn. *Một là, nguy cơ vỡ nợ*: Tập đoàn Dubai World bị vỡ nợ và khủng hoảng tài chính ở Hy Lạp nhắc nhở mọi người rằng “vẫn còn những khoản nợ lớn chưa được thanh toán”. Năm 2010, thế giới sẽ phải đối mặt với thách thức thâm hụt ngân sách tăng lên mức kỉ lục và khó khăn trong việc thanh toán nợ công vào các năm tiếp theo. *Hai là, chiến lược thoát ra*: Ngân hàng trung ương các nước bắt đầu loại bỏ các khoản tiền cứu trợ khẩn cấp và sẽ có những biến động đáng kể trong thị trường trái phiếu. *Ba là, tăng trưởng chậm*: Sự siết chặt tài chính và các chiến lược thoát ra khỏi chính sách tiền tệ hiện thời có thể dẫn tới đợt suy thoái mới; tỉ lệ thất nghiệp ở Mỹ giảm chậm, còn ở châu Âu vẫn tăng cao khiến nhu cầu tiêu dùng suy yếu cả ở châu Âu và Mỹ. *Bốn là*, việc ngân hàng có thể đối phó được với các tổn thất ở mức độ lớn từ các khoản cho vay không thu hồi được vẫn là một câu hỏi lớn.

*b. Triển vọng và các giải pháp phát triển của Việt Nam năm 2010.*

Thế giới đã và đang đặt nhiều kì vọng vào tiềm năng phát triển của Việt Nam. Xét trên nhiều phương diện có được từ thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và ngoại giao quả là chúng ta đang đứng trước vận hội mới với những cơ hội đặc biệt thuận lợi để thật sự phát triển đúng với tiềm năng của đất nước.

Năm 2010, Ngân hàng Credit Suisse (Thụy Sĩ) dự báo tăng trưởng của Việt Nam sẽ đạt 8,5%. Goldman Sachs thì dự báo 8,2%; hoặc HSBC thì khẳng định “Tăng trưởng của Việt Nam sẽ bật lên theo hình chữ V...” sẽ trở lại mốc tăng trưởng từ 7-7,5%.

Nhận định của Chính phủ Việt Nam: “Năm 2010 sẽ có nhiều thời cơ và thuận lợi hơn so với năm 2009 song cũng có không ít khó khăn; phải nỗ lực tận dụng mọi thời cơ để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề phát triển cho các năm tiếp theo”. Chính phủ khẳng định: “Ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo tăng trưởng cao cả về số lượng và chất lượng, ngăn ngừa lạm phát sẽ là mục tiêu trọng tâm của các chính sách kinh tế trong năm 2010”.

Chính phủ tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả 5 nhóm nhiệm vụ và giải pháp: tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; tập trung mọi nỗ lực thúc đẩy đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và tái cấu trúc nền kinh tế; giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, phấn đấu đạt được những bước tiến cụ thể trên các lĩnh vực quan trọng và nhạy cảm này; nâng cao năng lực chỉ đạo và tổ chức thực hiện, đưa chính sách và mục tiêu phát triển thành hiện thực trong cuộc sống; làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền và phổ biến chủ trương, chính sách, tạo sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị và trong toàn xã hội từ nhận thức đến hành động.

Chúng ta đánh giá cao và ủng hộ sự thay đổi lớn của Chính phủ trong việc đặt ưu tiên cao nhất cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô. Sự ổn định kinh tế vĩ mô sẽ là một điều kiện tiên quyết để kì vọng dòng vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài gia tăng. Và có ổn định kinh tế vĩ mô thì Việt Nam mới có thể tăng trưởng nhanh hơn, bền vững trong giai đoạn tới.

Để tạo ra thời kì tăng trưởng nhanh, bền vững mới, cùng với ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô nhất là tài chính, tiền tệ, tỉ giá, lạm phát... thì năng lực cạnh tranh và môi trường kinh doanh trở thành vấn đề cốt tử (năng lực cạnh tranh Việt Nam năm thứ 3 liên tiếp tụt hạng rất mạnh); khắc phục tình trạng phân bổ bất hợp lý, sử dụng nguồn lực tài chính kém hiệu quả, thất thoát, lãng phí nghiêm trọng... Ngoài ra, cần chú ý

đến các vấn đề sau:

*Một là*, vấn đề trọng tâm của giai đoạn hậu khủng hoảng là tổ chức lại nền kinh tế nhằm thích ứng với hoàn cảnh mới. Chính phủ cần có một Chương trình tổng thể để thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng nâng cao sức cạnh tranh, với một lộ trình rõ ràng, có mục tiêu định lượng cụ thể, kèm theo các chính sách kinh tế, tài chính bảo đảm cho việc thực thi các mục tiêu đề ra. Tái cấu trúc nền kinh tế là nền tảng tối đa hoá tiềm năng phát triển, tăng trưởng nhanh, bền vững. Nếu so với thế giới, đặc biệt là Trung Quốc thì Việt Nam đã tỏ ra quá chậm (ngay từ năm 2006, Trung Quốc đã chuyển sang mô hình phát triển theo chiều sâu, coi trọng nội nhu; cuối năm 2008, đã hoàn tất và bắt đầu triển khai mạnh chương trình tái cấu trúc nền kinh tế (10 ngành lựa chọn) với quan điểm nhất quán là loại bỏ công nghệ, kĩ thuật lạc hậu ra khỏi nền kinh tế và chuyển giao cho các nước trong khu vực, nhất là các nước Đông Dương). Tác động trực tiếp và gián tiếp của Trung Quốc đến nước ta là rất lớn. Vì vậy, việc tái cấu trúc nền kinh tế nước ta không thể chậm trễ hơn.

*Hai là*, việc các nước châu Á đã chuyển hướng, chú trọng hơn đến thị trường nội địa là hướng đi hiệu quả, giúp lấy lại ổn định và tăng trưởng sau khủng hoảng. Khai thác hiệu quả thị trường nội địa trở thành vấn đề chiến lược. Việt Nam cần có chiến lược dài hạn, rõ ràng về vấn đề này bởi tầm quan trọng đặc biệt trong kế sách phát triển của ta (vừa tăng cầu cho nền kinh tế vừa hạn chế sự xâm lấn của hàng ngoại và giảm nhập siêu).

*Ba là*, Chính phủ cần đánh giá lại hiệu quả của các hoạt động đầu tư, hiệu quả sản xuất của các thành phần kinh tế để có những điều chỉnh và phát huy hợp lý, tạo nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng mạnh và bền vững hơn trong năm 2010. Điểm kì vọng về sức bật được đặt vào khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh (Hệ số ICOR thấp nhất) □